VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Thông tư số 66/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường

(Tiếp theo Công báo số 391 + 392)

PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 66/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường)

B31c-HDBCTT
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

(Chữ in hoa đậm cỡ 14)

BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN/ĐỀ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ *(chữ in hoa đậm cỡ 18)*

(TÊN, MÃ SỐ)

(viết chữ in hoa cỡ chữ 15)

Cơ quan quản lý tổ chức chủ trì:

Tổ chức chủ trì:

Chủ nhiệm đề tài:

(Chữ thường cỡ 16)

ĐỊA DANH - 20... *(chữ in hoa cỡ chữ 14)*

Hình 1. Mẫu bìa ngoài báo cáo tóm tắt kết quả đề tài/dự án/đề án

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

(Chữ in hoa đậm cỡ 14)

BÁO CÁO TÓM TẮT

ĐỀ TÀI/DỰ ÁN SXTN/ĐỀ ÁN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ *(chữ in hoa đậm cỡ 18)*

(TÊN, MÃ SỐ)

(viết chữ in hoa cỡ chữ 15)

Chủ nhiệm	**Tổ chức chủ trì**
(Ký tên)	*(Ký tên, đóng dấu)*

ĐỊA DANH - 20... *(chữ in hoa cỡ chữ 14)*

Hình 2. Mẫu bìa trong báo cáo tóm tắt kết quả đề tài/dự án/đề án

HƯỚNG DẪN BÁO CÁO TÓM TẮT NỘI DUNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

A. BỐ CỤC CỦA BÁO CÁO NỘI DUNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

I. PHẦN ĐẦU BÁO CÁO

- Trang bìa chính (Hình 1)
- Trang phụ bìa (Hình 2)
- Mục lục

II. PHẦN CHÍNH BÁO CÁO

1. Mở đầu (giới thiệu vắn tắt về xuất xứ của đề tài/dự án).

2. Trích lược những điểm chính của Thuyết minh nhiệm vụ và Hợp đồng khoa học để Hội đồng nghiệm thu có thể đánh giá, so sánh kết quả thực hiện và mục tiêu ban đầu đã được thông qua.

3. Danh mục các sản phẩm KHCN đạt được (số lượng, chủng loại và chỉ tiêu chất lượng, yêu cầu khoa học)

4. Phương pháp nghiên cứu, điều tra khảo sát, tính toán và trang thiết bị nghiên cứu đã sử dụng thực tế (nêu sơ lược, không quá 02 trang)

5. Kết quả chủ yếu đạt được về lý thuyết và thực nghiệm, có thể kèm theo bảng và hình vẽ;

6. Kết quả nghiên cứu đã được thử nghiệm/ứng dụng/sử dụng trong thực tiễn (nếu có). Nêu khả năng và phạm vi ứng dụng kết quả của nhiệm vụ vào các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và thực tiễn xã hội

7. Tác động của kết quả nghiên cứu đối với điều tra cơ bản và quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường;

8. Tình hình đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ

III. PHẦN KẾT LUẬN

1) Kết luận (toàn văn như báo cáo chính);

2) Kiến nghị (toàn văn như báo cáo chính).

B. YÊU CẦU CHUNG CỦA BÁO CÁO TÓM TẮT

Báo cáo tóm tắt có tính chất thông tin nhanh, đủ để người đọc có thể nắm bắt được các đặc điểm cơ bản, tính độc đáo của đề tài/dự án. Báo cáo tóm tắt thường không quá 25 trang khổ A4. Hình thức trình bày, định dạng font chữ... như quy định như mẫu B31b-HDBCTH Hướng dẫn thực hiện báo cáo tổng hợp kết quả nhiệm vụ KH&CN.

B32-TTKQNC
66/2017/TT-BTNMT

THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

1. Thông tin chung:

- Tên đề tài:

- Mã số:

- Chủ nhiệm đề tài:

- Tổ chức chủ trì:

- Thời gian thực hiện:

2. Mục tiêu:

3. Tính mới và sáng tạo:

4. Kết quả nghiên cứu:

5. Sản phẩm:

6. Phương thức chuyển giao, địa chỉ ứng dụng, tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu:

INFORMATION ON RESEARCH RESULTS

1. General information:

Project title:

Code number:

Coordinator:

Implementing institution:

Duration: from to

2. Objective(s):

3. Creativeness and innovativeness:

4. Research results:

5. Products:

6. Transfer alternatives, application institutions, impacts and benefits of research results:

B33-CVNT
66/2017/TT-BTNMT

TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:...../..... V/v: Đề nghị đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ	*....., ngày tháng năm 201...*

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ Thông tư số 66/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường

..... (*Tên Tổ chức chủ trì nhiệm vụ*) kính đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp Bộ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau đây:

Tên nhiệm vụ: .....

Mã số:.....

Hợp đồng số: .....

Thời gian thực hiện theo hợp đồng: từ đến

Thời gian được điều chỉnh, gia hạn (*nếu có*) đến:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:.....

Kèm theo công văn này là hồ sơ đánh giá nhiệm vụ cấp Bộ, gồm:

1. Báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ.

2. Các sản phẩm khoa học và công nghệ của nhiệm vụ.

3. Bản sao hợp đồng và thuyết minh nhiệm vụ.

4. Các văn bản xác nhận và tài liệu liên quan đến việc công bố, xuất bản, đào tạo, tiếp nhận và sử dụng kết quả nghiên cứu (nếu có).

5. Các số liệu (điều tra, khảo sát, phân tích...), sổ nhật ký của nhiệm vụ.

6. Văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc sắp xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ.

7. Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ.

8. Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

9. Hồ sơ nghiệm thu cấp cơ sở (Quyết định thành lập hội đồng nghiệm thu; Bài nhận xét của 02 Ủy viên phản biện; Biên bản họp Hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở)

10. Các tài liệu khác (*nếu có*).

Số lượng hồ sơ gồm:

- 01 bộ *(bản gốc)* đầy đủ tài liệu kể trên;

- 01 bản điện tử về các file sản phẩm nhiệm vụ ghi trên đĩa quang *(dạng PDF, không cài đặt bảo mật)*.

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường xem xét và tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- .....

THỦ TRƯỞNG
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

B34-NXTĐSP
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔ CHUYÊN GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

PHIẾU NHẬN XÉT, THẨM ĐỊNH SẢN PHẨM

Tên nhiệm vụ:

Mã số:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

Chuyên gia tổ thẩm định:

Họ và tên chuyên gia *(chức danh khoa học, học vị):*

1. Đánh giá nhận xét, thẩm định về tài liệu công nghệ

(Nhận xét, đánh giá về tính xác thực của các thông tin trong tài liệu công nghệ, thiết kế; báo cáo thử nghiệm, ứng dụng; các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm KH&CN của nhiệm vụ được các tổ chức đo đạc có thẩm quyền chứng nhận; các văn bản xác nhận khác có liên quan đến sản phẩm của nhiệm vụ).

Nhận xét:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá về mức độ hoàn thành về số lượng, khối lượng, chủng loại của các sản phẩm theo đặt hàng

Số TT	**Tên sản phẩm**	**Theo đặt hàng**	**Thực tế thực hiện**	**Ghi chú** (đủ, chưa đủ...)

(Về mức độ hoàn thành, tính xác thực của chủng loại, số lượng, khối lượng các sản phẩm theo đăng ký...)

Nhận xét:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Đánh giá mức độ đạt được của các chỉ tiêu chất lượng của các sản phẩm so với đặt hàng:

Số TT	**Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng**	**Đơn vị đo**	**Theo đặt hàng**	**Đã thực hiện**	**Ghi chú** (đạt/chưa đạt...)

(Về mức độ hoàn thành, tính xác thực của các chỉ tiêu chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt...)

Nhận xét:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

4. Các nhận xét khác, đánh giá chung về kết quả của nhiệm vụ:

(Nêu đánh giá chung, nhận xét về tình hình ứng dụng các kết quả của nhiệm vụ)

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

CHUYÊN GIA NHẬN XÉT

(Họ, tên và chữ ký)

B35-BCTĐSP
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TỔ CHUYÊN GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 201....

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH SẢN PHẨM

I. Thông tin chung:

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Tổng kinh phí thực hiện: triệu đồng.

Trong đó, kinh phí từ ngân sách SNKH: triệu đồng.

Kinh phí từ nguồn khác: triệu đồng.

3. Thời gian thực hiện theo Hợp đồng:

Bắt đầu:

Kết thúc:

Thời gian thực hiện theo văn bản điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền (nếu *có*):

4. Thời gian tiến hành thẩm định: *ngày... tháng... năm 20....*

II. Nội dung kiểm tra, thẩm định:

1. Kiểm tra, thẩm định chi tiết các sản phẩm của nhiệm vụ và tài liệu có liên quan đến sản phẩm của nhiệm vụ (*mẫu sản phẩm; tài liệu thiết kế; báo cáo thử nghiệm, ứng dụng; các văn bản đo đạc, kiểm tra, đánh giá thử nghiệm các sản phẩm KH&CN của nhiệm vụ được các cơ quan chuyên môn có chức năng phù hợp chứng nhận; các văn bản xác nhận khác có liên quan đến sản phẩm của nhiệm vụ)* gồm:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Khảo sát tại hiện trường, đo đạc lại các thông số kỹ thuật của sản phẩm KH&CN *(mẫu sản phẩm; vật liệu; thiết bị, máy móc; dây chuyền công nghệ; mô hình thử nghiệm),* gồm:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Nhận xét, đánh giá:

3.1. Mức độ hoàn thành về số lượng, khối lượng, chủng loại của các sản phẩm:

Số TT	**Tên sản phẩm**	**Số lượng, khối lượng theo đặt hàng**	**Số lượng, khối lượng thực tế thực hiện**	**Nhận xét** (đủ, chưa đủ...)
1				
2				
3				
4				
5				
6				
7				
8				
9				

Nhận xét chung:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3.2. Mức độ đạt được của các chỉ tiêu chất lượng của các sản phẩm so với đặt hàng:

Số TT	**Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng**	**Đơn vị đo**	**Theo đặt hàng**	**Đã thực hiện**	**Nhận xét** (đạt/chưa đạt...)
1					
2					
3					
4					
5					
6					

(Về mức độ hoàn thành, tính xác thực của các chỉ tiêu chất lượng hoặc yêu cầu khoa học cần đạt...)

Nhận xét chung:

.....

.....

.....

.....

.....

3.3. Các nhận xét khác, đánh giá chung về kết quả của nhiệm vụ:

(Nêu đánh giá chung, nhận xét về tình hình ứng dụng các kết quả của nhiệm vụ)

.....

.....

.....

.....

.....

CÁC THÀNH VIÊN TỔ CHUYÊN GIA	**TỔ TRƯỞNG TỔ CHUYÊN GIA**
(Họ, tên và chữ ký từng thành viên)	*(Họ, tên và chữ ký)*

B36a-NXKQƯD
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Áp dụng đối với đề tài ứng dụng và phát triển công nghệ; dự án SXTN)

Ủy viên phản biện: ☐ **Thành viên khác:** ☐

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số:

Thuộc:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Người nhận xét:

Họ và tên[13]*:*

Ngày nhận hồ sơ: *ngày..... tháng..... năm 20.....*

3. Nhận xét:

3.1. Sản phẩm khoa học

3.1.1. Về chủng loại sản phẩm so với đặt hàng:

(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ, người nhận xét cần phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về chủng loại sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết)

.....

.....

.....

3.1.2. Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với đặt hàng:

(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ, người nhận xét cần phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết)

.....

.....

.....

[13] *Chức danh, học hàm, học vị*

3.1.3. Về chất lượng sản phẩm so với đặt hàng:

(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ, người nhận xét cần phân tích, đánh giá chi tiết, cụ thể đối với từng chỉ tiêu về chất lượng đối với mỗi sản phẩm theo đặt hàng, có nhận xét chính xác, khách quan)

- Về tính trung thực của kết quả nghiên cứu: (Tính trung thực của hồ sơ, tài liệu; tính hợp pháp trong việc sử dụng kết quả nghiên cứu có liên quan)

.....

.....

.....

- Về kết quả nghiên cứu được công bố (Chất lượng của các sản phẩm ngoài bài báo khoa học)

.....

.....

.....

3.1.4. Về kết quả nghiên cứu công bố trên các tạp chí

.....

.....

3.1.5. Về kết quả hỗ trợ đào tạo sau đại học, đăng ký sở hữu trí tuệ

.....

.....

3.2. Về báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả:

3.2.1. Báo cáo tổng hợp

- Tổng quan các vấn đề nghiên cứu liên quan đến nội dung của nhiệm vụ;

.....

.....

.....

- Phạm vi, đối tượng, mức độ tiên tiến và hiện đại của phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng:

▪ Sự đầy đủ của các phương pháp nghiên cứu đã sử dụng;

▪ Sự vận dụng và phối hợp các phương pháp nghiên cứu đó

▪ Sự phù hợp của cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, các phương pháp nghiên cứu đối với mục tiêu: *(Mức độ miêu tả cụ thể, rõ ràng các phương pháp nghiên cứu đó được sử dụng để đạt được kết quả nghiên cứu; Sự phù hợp của cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu trong quá trình triển khai thực hiện nội dung nghiên cứu để đạt được mục tiêu của đề tài/nhiệm vụ)*

▪ Kết quả mang lại từ những phương pháp nghiên cứu đó.

.....

.....

.....

- Kết quả nghiên cứu thể hiện đầy đủ mục tiêu và nội dung nghiên cứu với các số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật:

▪ Độ tin cậy, cập nhật của các số liệu qua kết quả điều tra, khảo sát và các nguồn tư liệu khác được sử dụng trong các báo cáo khoa học của đề tài/nhiệm vụ);

▪ Mức độ phù hợp của các giải pháp đề xuất đáp ứng yêu cầu mục tiêu nhiệm vụ.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Kết luận, kiến nghị

.....

.....

- Bố cục, hình thức trình bày[14], mức độ rõ ràng, lô-gíc, văn phong khoa học

.....

.....

.....

[14] Theo mẫu phụ lục B31b-HDBCTH, Thông tư số 66/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ TN&MT Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường

- Trích dẫn tài liệu tham khảo đầy đủ, chính xác theo quy định

.....

.....

.....

3.2.2. Báo cáo tóm tắt[15]

.....

.....

3.3. Khả năng ứng dụng/sử dụng và chuyển giao sản phẩm của nhiệm vụ

3.3.1. Đánh giá các ứng dụng/sử dụng của kết quả nhiệm vụ đã được triển khai trong thực tiễn (nếu có)

.....

.....

.....

3.3.2. Đánh giá khả năng ứng dụng/sử dụng được trong thực tiễn và mức độ sẵn sàng chuyển giao kết quả nghiên cứu và tài liệu cần thiết kèm theo (các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...) v.v.

.....

.....

.....

3.3.3. Đánh giá kết quả Tọa đàm khoa học phục vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ (nếu có)

.....

.....

.....

3.4. Tác động và hiệu quả mang lại của nhiệm vụ

3.4.1. Đánh giá tác động của kết quả nhiệm vụ đối với điều tra cơ bản và quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường

.....

.....

.....

[15] Theo mẫu phụ lục B31c-HDBCTH, Thông tư số 66/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ TN&MT Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường

3.4.2. Mức độ tác động của kết quả nhiệm vụ đến việc nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học của các cán bộ trong tổ chức chủ trì và ngành Tài nguyên và môi trường

.....

.....

.....

3.4.3. Hiệu quả mang lại về giá trị khoa học của nhiệm vụ*:*

(Tính mới, sáng tạo của sản phẩm nghiên cứu: phát hiện những vấn đề công nghệ mới, tạo ra hệ thống cơ sở dữ liệu mới có giá trị khoa học và thực tiễn; Đóng góp mới vào việc phát triển công nghệ mới, phương pháp nghiên cứu hiện có; Tính hệ thống, logic, đầy đủ, lập luận, phân tích rõ ràng của các báo cáo khoa học).

.....

.....

.....

3.4.4. Hiệu quả mang lại thực tiễn của đề tài/nhiệm vụ:

(Đưa ra được những giải pháp công nghệ, phương án cụ thể đưa kết quả nghiên cứu vào thực tiễn ứng dụng trong điều tra cơ bản và quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường).

.....

.....

.....

3.5. Về tiến độ thực hiện[16]:

(Căn cứ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn và thời điểm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu, hội đồng đánh giá theo 3 mức: nộp đúng hạn, nộp chậm không quá 30 ngày, nộp chậm từ 31 ngày đến 06 tháng, nộp chậm trên 06 tháng)

.....

.....

.....

[16] Căn cứ Hợp đồng, Quyết định phê duyệt, Quyết định điều chỉnh (nếu có)

4. Nhận xét chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Xuất sắc ☐ Khá ☐ Đạt ☐ Không đạt ☐

- *Đủ điều kiện bảo vệ nhiệm vụ trước Hội đồng khoa học.* Lý do cụ thể:

.....

.....

.....

- *Không đủ điều kiện bảo vệ nhiệm vụ trước Hội đồng* (cần ghi rõ những nội dung đã/chưa thực hiện so với hợp đồng). Nếu không đủ điều kiện để bảo vệ trước Hội đồng thì đề xuất thời gian để cho đơn vị chủ trì chỉnh sửa, hoàn chỉnh trước khi báo cáo lại.

.....

.....

5. Các tồn tại và đề xuất hướng/biện pháp giải quyết *(bắt buộc):*

Cần phải sửa chữa, bổ sung những điểm gì hoặc không đạt yêu cầu. Nêu cụ thể những điểm chưa nhất trí bao gồm: nội dung chưa nhất trí, lý do và khuyến nghị các giải pháp để sửa chữa, bổ sung hoàn chỉnh.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI NHẬN XÉT
(Họ, tên và chữ ký)

B36b-NXKQXH
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng..... năm 20.....

PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Áp dụng đối với đề tài đề tài khoa học xã hội và nhân văn, đề án khoa học)

Ủy viên phản biện: ☐ **Thành viên khác:** ☐

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số:

Thuộc:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Người nhận xét:

Họ và tên[17]*:*

Ngày nhận hồ sơ: *ngày..... tháng..... năm 20.....*

3. Nhận xét:

3.1. Sản phẩm khoa học

3.1.1. Về chủng loại sản phẩm so với đặt hàng:

(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ, người nhận xét cần phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về chủng loại sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết)

.....

.....

.....

3.1.2. Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với đặt hàng:

(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ, người nhận xét cần phân tích, đánh giá mức độ đầy đủ về số lượng, khối lượng sản phẩm so với hợp đồng đã ký kết)

.....

.....

.....

[17] *Chức danh, học hàm, học vị*

3.1.3. Về chất lượng sản phẩm so với đặt hàng:

(Căn cứ vào đặt hàng của Bộ, người nhận xét cần phân tích, đánh giá chi tiết, cụ thể đối với từng chỉ tiêu về chất lượng đối với mỗi sản phẩm theo đặt hàng, có nhận xét chính xác, khách quan)

- Về tính trung thực của kết quả nghiên cứu: (Tính trung thực của hồ sơ, tài liệu; tính hợp pháp trong việc sử dụng kết quả nghiên cứu có liên quan)

.....

.....

.....

- Về kết quả nghiên cứu được công bố (Chất lượng của các sản phẩm ngoài bài báo khoa học)

.....

.....

.....

3.1.4. Về kết quả nghiên cứu công bố trên các tạp chí

.....

.....

3.1.5. Về kết quả hỗ trợ đào tạo sau đại học, đăng ký sở hữu trí tuệ

.....

.....

3.2. Về báo cáo tổng hợp và báo cáo tóm tắt kết quả:

3.2.1. Báo cáo tổng hợp

- Tổng quan các vấn đề nghiên cứu liên quan đến nội dung của nhiệm vụ;

.....

.....

.....

- Phạm vi, đối tượng, mức độ tiên tiến và hiện đại của phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng: (Nêu được phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật sử dụng, tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật của các số liệu qua kết quả điều tra, khảo sát và các nguồn tư liệu khác được sử dụng vào các báo cáo khoa học của nhiệm vụ)

.....

.....

- Kết quả nghiên cứu thể hiện đầy đủ mục tiêu và nội dung nghiên cứu với các số liệu, tư liệu có tính đại diện, độ tin cậy, xác thực, cập nhật:

▪ Độ tin cậy, cập nhật của các số liệu qua kết quả điều tra, khảo sát và các nguồn tư liệu khác được sử dụng trong các báo cáo khoa học của đề tài/nhiệm vụ);

▪ Về luận cứ khoa học, có cơ sở lý luận và thực tiễn cụ thể giải đáp những vấn đề nghiên cứu đặt ra, phản ánh trung thực kết quả nhiệm vụ phù hợp với thông lệ chung trong hoạt động nghiên cứu khoa học của nhiệm vụ

.....

.....

.....

.....

.....

.....

- Kết luận, kiến nghị

.....

.....

- Bố cục, hình thức trình bày[18], mức độ rõ ràng, lô-gíc, văn phong khoa học

.....

.....

- Trích dẫn tài liệu tham khảo đầy đủ, chính xác theo quy định

.....

.....

3.2.2. Báo cáo tóm tắt[19]

.....

.....

[18] Theo mẫu phụ lục B31b-HDBCTH, Thông tư số 66/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ TN&MT Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường

[19] Theo mẫu phụ lục B31c-HDBCTH, Thông tư số 66/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ TN&MT Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường

3.3. Khả năng ứng dụng/sử dụng và chuyển giao sản phẩm của nhiệm vụ

3.3.1. Đánh giá các ứng dụng/sử dụng của kết quả nhiệm vụ đã được triển khai trong thực tiễn (nếu có)

.....

.....

.....

3.3.2. Đánh giá khả năng ứng dụng/sử dụng được trong thực tiễn và mức độ sẵn sàng chuyển giao kết quả nghiên cứu và tài liệu cần thiết kèm theo (các bản vẽ thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu trích dẫn...) v.v.

.....

.....

.....

3.3.3. Đánh giá kết quả Tọa đàm khoa học phục vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ (nếu có)

.....

.....

.....

3.4. Tác động và hiệu quả mang lại của nhiệm vụ

3.4.1. Đánh giá tác động của kết quả nhiệm vụ đối với điều tra cơ bản và quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường

.....

.....

.....

3.4.2. Mức độ tác động của kết quả nhiệm vụ đến việc nâng cao trình độ nghiên cứu khoa học của các cán bộ trong tổ chức chủ trì và ngành Tài nguyên và môi trường

.....

.....

.....

3.4.3. Hiệu quả mang lại về giá trị khoa học của nhiệm vụ*:*

(Tính mới, sáng tạo của sản phẩm nghiên cứu: phát hiện những vấn đề mới, tạo ra hệ thống dữ liệu mới có giá trị khoa học và thực tiễn; Đóng góp mới vào việc phát triển lý thuyết, lý luận, phương pháp nghiên cứu hiện có; Tính hệ thống, logic, đầy đủ, lập luận, phân tích rõ ràng của các báo cáo khoa học).

.....

.....

.....

3.4.4. Hiệu quả mang lại thực tiễn của đề tài/nhiệm vụ:

(Đưa ra được những giải pháp, phương án cụ thể làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng quy hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội,...; Đề xuất được những kiến nghị cụ thể, trực tiếp làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng, hoàn thiện chủ trương, chính sách, pháp luật, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước).

.....

.....

.....

3.5. Về tiến độ thực hiện[20]:

(Căn cứ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn và thời điểm nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu, hội đồng đánh giá theo 3 mức: nộp đúng hạn, nộp chậm không quá 30 ngày, nộp chậm từ 31 ngày đến 06 tháng, nộp chậm trên 06 tháng)

.....

.....

.....

4. Nhận xét chung về kết quả thực hiện nhiệm vụ:

4.1) Về những đóng góp khoa học mới của nhiệm vụ:

4.1.1. Cơ sở khoa học và tính trung thực của từng kết quả nghiên cứu mới:

.....

.....

.....

[20] Căn cứ Hợp đồng, Quyết định phê duyệt, Quyết định điều chỉnh (nếu có)

4.1.2. Giá trị khoa học và đóng góp của kết quả nghiên cứu mới vào việc phát triển lý thuyết, lý luận hiện có:

.....

.....

4.1.3. Giá trị thực tiễn và dự kiến triển vọng tác động xã hội từ kết quả nghiên cứu mới của nhiệm vụ:

.....

.....

4.2) Xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Xuất sắc ☐ Khá ☐ Đạt ☐ Không đạt ☐

- *Đủ điều kiện bảo vệ nhiệm vụ trước Hội đồng khoa học.* Lý do cụ thể:

.....

.....

- *Không đủ điều kiện bảo vệ nhiệm vụ trước Hội đồng* (cần ghi rõ những nội dung đã/chưa thực hiện so với hợp đồng). Nếu không đủ điều kiện để bảo vệ trước Hội đồng thì đề xuất thời gian để cho đơn vị chủ trì chỉnh sửa, hoàn chỉnh trước khi báo cáo lại.

.....

.....

5. Các tồn tại và đề xuất hướng/biện pháp giải quyết *(bắt buộc):*

Cần phải sửa chữa, bổ sung những điểm gì hoặc không đạt yêu cầu. Nêu cụ thể những điểm chưa nhất trí bao gồm: nội dung chưa nhất trí, lý do và khuyến nghị các giải pháp để sửa chữa, bổ sung hoàn chỉnh.....

.....

.....

.....

.....

.....

NGƯỜI NHẬN XÉT
(Họ, tên và chữ ký)

B37-ĐGKQNC
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KH&CN CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 20.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

I. Thông tin chung về nhiệm vụ:

- Tên nhiệm vụ:

- Mã số nhiệm vụ (nếu có):
- Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

- Chủ nhiệm nhiệm vụ:

II. Người đánh giá:

- Họ và tên[21]:
- Nhận hồ sơ ngày... tháng..... năm 20.....

III. Các tiêu chí đánh giá:

STT	Các tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	**Sản phẩm khoa học**	**45**	
1.1	Chủng loại, số lượng, khối lượng	12	
1.1.1	*Đúng chủng loại theo đặt hàng*	*4*	
1.1.2	*Số lượng, khối lượng đầy đủ theo đặt hàng*	*6*	
1.1.3	*Vượt mức chủng loại, số lượng, khối lượng*[22]	*2*	
1.2	Chất lượng của các sản phẩm khoa học	13	
1.2.1	*Sản phẩm khoa học*	*5*	
1.2.2	*Báo cáo nội dung nghiên cứu*	*5*	

[21] *Chức danh, học hàm, học vị*
[22] *Tăng hơn về số lượng hoặc không nằm trong danh mục sản phẩm của Thuyết minh đã được phê duyệt phù hợp với nội dung nghiên cứu.*

STT	Các tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1.2.3	*Vượt mức chất lượng*[23]	*3*	
1.3	Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí[24]	8	
1.3.1	*Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí trong nước*	*3*	
1.3.2	*Công bố kết quả nghiên cứu trên các tạp chí quốc tế*	*5*	
1.4	Hỗ trợ để đào tạo sau đại học	7	
1.4.1	*Tiến sĩ*[25]	*5*	
1.4.2	*Thạc sĩ*[26]	*2*	
1.5	Văn bằng sở hữu trí tuệ[27]	5	
2	**Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt**	**35**	
2.1	2.1. Báo cáo tổng hợp	30	
2.1.1	*Tổng quan những vấn đề nghiên cứu*	*5*	
2.1.2	*Phạm vi, đối tượng và phương pháp nghiên cứu*	*5*	
2.1.3	*Kết quả nghiên cứu thể hiện đầy đủ mục tiêu và nội dung nghiên cứu*	*10*	
2.1.4	*Kết luận, kiến nghị*	*3*	
2.1.5	*Bố cục, hình thức trình bày rõ ràng, lô-gíc; văn phong khoa học phù hợp*	*5*	
2.1.6	*Trích dẫn đầy đủ chính xác theo tài liệu tham khảo*	*2*	
2.2	Báo cáo tóm tắt đầy đủ thông tin theo quy định	5	
3	**Khả năng ứng dụng/sử dụng và chuyển giao**[28]	**20**	
3.1	Kết quả nghiên cứu đã được ứng dụng/sử dụng trong thực tiễn	10	
3.2	Có khả năng ứng dụng/sử dụng được trong thực tiễn, có phương án khả thi để ứng dụng kết quả nghiên cứu	5	
3.3	Tọa đàm khoa học phục vụ ứng dụng, chuyển giao công nghệ[29]	5	
Tổng điểm		**100**	

[23] *Chất lượng vượt so với đăng ký.*
[24] *Đã công bố bài báo hoặc có giấy chấp nhận đăng của tạp chí.*
[25] *Có quyết định giao đề tài của cơ sở đào tạo hoặc quyết định công nhận và cấp bằng tiến sĩ*
[26] *Có quyết định thành lập Hội đồng chấm luận văn hoặc quyết định công nhận và cấp bằng thạc sĩ*
[27] *Tối thiểu có chấp nhận đơn*
[28] *Đánh giá cho cả 3 tiêu chí*
[29] *Biên bản tọa đàm khoa học; các ý kiến nhận xét, đánh giá bằng văn bản của các nhà khoa học, đại diện cơ quan, đơn vị thuộc lĩnh vực nghiên cứu.*

IV. Xếp loại kết quả thực hiện nhiệm vụ

Xuất sắc	☐
Khá	☐
Đạt	☐
Không đạt	☐

Ghi chú:

a) Xếp loại Xuất sắc: *có tổng điểm ≥ 85 điểm và nộp hồ sơ nghiệm thu về Bộ đúng hạn.*

b) Xếp loại Khá: *- hoặc có tổng điểm từ 70 đến dưới 85 điểm và nộp hồ sơ nghiệm thu về Bộ đúng hạn;*

- hoặc có tổng điểm ≥ 85 điểm và nộp hồ sơ nghiệm thu về Bộ chậm không quá 30 ngày.

c) Xếp loại Đạt: *- hoặc có tổng điểm từ 50 đến dưới 70 điểm và nộp hồ sơ nghiệm thu về Bộ đúng hạn;*

- hoặc có tổng điểm ≥ 70 điểm và nộp hồ sơ nghiệm thu về Bộ chậm không quá 06 tháng.

d) Xếp loại Không đạt: *hoặc có tổng điểm dưới 50 hoặc nộp hồ sơ nghiệm thu về Bộ chậm quá 06 tháng.*

V. Ý kiến đánh giá khác:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Người đánh giá
(Ký, ghi rõ họ tên)

B38-BBĐGNT
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CẤP BỘ

I. Những thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số nhiệm vụ:

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:

2. Quyết định thành lập Hội đồng và Tổ chuyên gia *(nếu có)*

Số: ngày.../..../20... của

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

Thời gian:

- Bắt đầu:

- Kết thúc:

Địa điểm:

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:

Vắng mặt: người, gồm:

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1		
2		
n		

II. Nội dung làm việc của Hội đồng

Sau khi Ông/Bà..... đại diện cơ quan nghiệm thu công bố quyết định thành lập hội đồng đánh giá, nghiệm thu, danh sách các thành viên hội đồng và giới thiệu các đại biểu tham dự phiên họp.

1. Chủ tịch (hoặc phó Chủ tịch) điều khiển phiên họp hội đồng:

2. Hội đồng đã nghe Chủ nhiệm nhiệm vụ trình bày báo cáo tóm tắt quá trình tổ chức thực hiện, báo cáo các sản phẩm khoa học và tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

3. Hội đồng đã trao đổi nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm nhiệm vụ;

4. Chủ nhiệm nhiệm vụ trả lời các câu hỏi của các thành viên Hội đồng; cung cấp thông tin, giải trình và bảo vệ kết quả tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

5. Hội đồng họp riêng:

5.1. Hội đồng đã nghe:

- Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có);

- Phiếu nhận xét của ủy viên phản biện;

- Phiếu nhận xét của thành viên và thành viên vắng mặt (nếu có thì thư ký khoa học đọc bài nhận xét).

5.2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận:

- Hội đồng đã nêu câu hỏi đối với các uỷ viên phản biện và thành viên tổ chuyên gia về từng chỉ tiêu đánh giá đã được quy định.

- Trên cơ sở đã xem xét, nghiên cứu toàn bộ hồ sơ đánh giá và các tài liệu, văn bản liên quan; kết quả đo đạc kiểm định lại những thông số kỹ thuật (nếu có); Hội đồng đã tham khảo Báo cáo thẩm định của Tổ chuyên gia (nếu có) và các Phiếu nhận xét đánh giá của các ủy viên phản biện; trao đổi thảo luận, nhận định về các kết quả của nhiệm vụ theo từng nội dung theo quy định; Hội đồng đã thực hiện đánh giá kết quả của nhiệm vụ theo mẫu.

5.3. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá. Kết quả kiểm phiếu đánh giá được trình bày trong biên bản kiểm phiếu gửi kèm theo.

6. Kết luận của Hội đồng về các nội dung đánh giá:

6.1. Về mức độ đáp ứng được yêu cầu số lượng, khối lượng, chủng loại sản phẩm theo đặt hàng và hợp đồng NCKH của các kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a) Về chủng loại sản phẩm so với đặt hàng:

b) Về số lượng, khối lượng sản phẩm so với đặt hàng:

c) Về sản phẩm khoa học đạt vượt hợp đồng; những đóng góp khoa học mới của nhiệm vụ (nếu có):

6.2. Về chất lượng sản phẩm và giá trị khoa học, giá trị thực tiễn của các kết quả thực hiện nhiệm vụ

6.3. Kết quả đánh giá xếp loại chung của nhiệm vụ:

a) Kết quả đánh giá, xếp loại của Hội đồng ở mức sau *(đánh √vào ô tương ứng)*:

☐ Xuất sắc ☐ Khá ☐ Đạt ☐ Không đạt

b) Phần luận giải của hội đồng khoa học về kết quả đánh giá, xếp loại:

.....

.....

.....

.....

Những nội dung đã thực hiện và chưa thực hiện theo hợp đồng:

-

-

6.4. Kiến nghị của Hội đồng:

a) Chủ nhiệm nhiệm vụ điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện Báo cáo tổng hợp kết quả nghiên cứu, báo cáo tóm tắt ở những vấn đề sau (nếu có):

b) Bộ chủ trì nhiệm vụ nghiệm thu các sản phẩm dưới đây:

Danh mục sản phẩm khoa học đáp ứng được yêu cầu đặt hàng và hợp đồng:

STT	Tên sản phẩm	Ghi chú
1		
2		
.....		
n		

c) Chuyển giao, sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ:

(nêu cụ thể cơ quan, địa chỉ áp dụng, sử dụng từng kết quả thực hiện nhiệm vụ)

d) Công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ:

đ) Không công bố, xuất bản kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Biên bản họp hội đồng được thông qua với sự thống nhất của các thành viên Hội đồng dự họp vào..... ngày..... tháng..... năm....

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG	CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*

CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

.....

.....

.....

.....

THƯ KÝ KHOA HỌC HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

B39-BCHTHS
66/2017/TT-BTNMT

TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

BÁO CÁO VỀ VIỆC HOÀN THIỆN
HỒ SƠ ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU CẤP BỘ

I. Những thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

Mã số (nếu có):

2. Chủ nhiệm nhiệm vụ:

4. Chủ tịch hội đồng *(ghi rõ họ tên, học vị, học hàm, cơ quan công tác):*

5. Thời gian đánh giá: Bắt đầu: *ngày.../..../201...*

Kết thúc: *ngày.../..../201....*

II. Nội dung đã thực hiện theo kết luận của hội đồng :

1. Những nội dung đã bổ sung hoàn thiện *(liệt kê và trình bày lần lượt các vấn đề cần hoàn thiện theo ý kiến kết luận của hội đồng)*

2. Những vấn đề bổ sung mới:

3. Những vấn đề chưa hoàn thiện được (nêu rõ lý do):

.....

.....

III. Kiến nghị của chủ nhiệm nhiệm vụ (nếu có):

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ
(Họ, tên và chữ ký)

XÁC NHẬN CỦA
ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ
(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

- Ý kiến của Ủy viên phản biện 1

(Họ, tên và chữ ký)

- Ý kiến của Ủy viên phản biện 2:

- *(Họ, tên và chữ ký)*

- Ý kiến của Chủ tịch Hội đồng:

- *(Họ, tên và chữ ký)*

B40-BCSPUD
66/2017/TT-BTNMT

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ NHIỆM VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BÁO CÁO SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
ĐÃ ĐƯỢC CHUYỂN GIAO, ỨNG DỤNG VÀO THỰC TẾ

Tên nhiệm vụ:.....
Mã số:.....
Thuộc:

- Chương trình cấp Bộ: ☐
- Độc lập: ☐
- Dự án KH&CN: ☐
- Khác: ☐

TT	Tên sản phẩm*	Địa chỉ ứng dụng (tổ chức, doanh nghiệp)	Quy mô, hiệu quả kinh tế - xã hội

Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Họ tên, chữ ký)

Thủ trưởng
Tổ chức chủ trì nhiệm vụ
(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

(*) Lũy kế từ khi thực hiện nhiệm vụ đến hết ngày báo cáo

B41-BBBGSP
66/2017/TT-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN BÀN GIAO SẢN PHẨM

Căn cứ Quyết định số ngày tháng năm của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ;

Căn cứ Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ số..... ngày tháng..... năm.....;

Căn cứ Biên bản Hội đồng đánh giá nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học và công nghệ họp ngày.... tháng.... năm.

Hôm nay, ngày tháng năm , Tại , chúng tôi gồm có:

BÊN GIAO: (Tổ chức chủ trì nhiệm vụ)

Đại diện: Ông/Bà Nguyễn Văn A, Chủ nhiệm đề tài;

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại: ; Email:

BÊN NHẬN: (tên cơ quan nhận sản phẩm)

Đại diện: Ông/Bà Nguyễn Văn B

Chức vụ: Đại diện lãnh đạo (cơ quan nhận sản phẩm)

Địa chỉ:

Điện thoại: ; Email:

Hai bên thống nhất lập biên bản giao nhận kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ với những nội dung cụ thể như sau:

1. Tên đề tài:

2. Sản phẩm giao nhận cụ thể gồm có:

Danh mục sản phẩm bàn giao theo Thuyết minh, Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

3. Chất lượng các sản phẩm bàn giao:

Biên bản này được làm 04 bản, bên giao giữ 02 bản, bên nhận lưu giữ 01 bản, 01 bản gửi Vụ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài nguyên và Môi trường; các biên bản này có giá trị pháp lý như nhau, các bên cùng lưu giữ để thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN GIAO **Chủ nhiệm đề tài**	**ĐẠI DIỆN BÊN NHẬN** *(Ký, đóng dấu)*

B42-BBTLHD
66/2017/TT-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20.....

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN.....

Số:.....

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 66/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ..... *(Ghi các văn bản đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ này)*

Căn cứ Hợp đồng..... số..... ngày.....

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên đặt hàng (Bên A) là:

- Do Ông/Bà.....
- Chức vụ:..... làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....

2. Bên nhận đặt hàng (Bên B) là: (Tổ chức chủ trì thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm):

- Do Ông/Bà:.....
- Chức vụ:..... làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....
- Số tài khoản:.....
- Tại:.....

Cùng thỏa thuận và thống nhất bàn giao kết quả và thanh lý Hợp đồng..... số..... ngày..... (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Xác nhận kết quả thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm

Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành

1. Bên B đã hoàn thành việc thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm "....., theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được Bên A phê duyệt và.... *(ghi các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền - nếu có).*

Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là... tháng, từ tháng... năm 200... đến tháng... năm 200...

2. Bên A đã tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm ngày.... tháng..... năm 20.... *(Kèm theo Bản sao Biên bản đánh giá nghiệm thu và Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ghi nhận kết quả đánh giá nghiệm thu).*

3. Bên B đã thực hiện việc đăng ký, giao nộp kết quả Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm tại Cơ quan thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia và tại các tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin khoa học và công nghệ theo quy định. *(Kèm theo Bản sao Biên nhận, xác nhận đã thực hiện đăng ký, giao nộp).*

4. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu, báo cáo nêu trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng số.... *(Kèm theo Danh mục liệt kê).*

5. Bên A giao cho bên B lưu trữ các kết quả khác của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,....) *(Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết)*

Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không hoàn thành:

1. Bên B đã tổ chức việc thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm "....., theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm được Bên A phê duyệt và.... *(ghi các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền - nếu có).*

Thời gian thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là... tháng, từ tháng... năm 200... đến tháng... năm 200...

2. Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm "....." được xác nhận là không hoàn thành *(Kèm theo Quyết định đình chỉ (hoặc dừng) thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoặc Biên bản đánh giá nghiệm thu Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm ở mức không đạt và Biên bản xác nhận khối lượng nội dung Bên B đã thực hiện).*

3. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu và các kết quả khác của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,....) phù hợp với khối lượng công việc đã được xác minh là hoàn thành - nếu có *(Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết).*

Điều 2. Xử lý tài chính của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm

Đối với Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành:

1. Kinh phí đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là:..... triệu đồng;

2. Kinh phí Bên B đề nghị và đã được Bên A chấp nhận quyết toán là:... triệu đồng.

Đối với trường hợp Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm không hoàn thành:

1. Kinh phí Bên A đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm là:.... triệu đồng;

2. Kinh phí bên B đã sử dụng đề nghị quyết toán là:..... triệu đồng;

3. Kinh phí được bên A chấp nhận quyết toán là:..... triệu đồng

(Kèm theo Biên bản xác nhận nội dung đã được thực hiện và chấp nhận quyết toán kinh phí của cấp có thẩm quyền);

4. Số kinh phí bên B phải hoàn trả ngân sách nhà nước là:.... triệu đồng *(Ghi Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định số kinh phí Bên B phải hoàn trả)*

Đến nay Bên B đã hoàn trả xong số kinh phí nêu trên cho ngân sách nhà nước *(Kèm theo tài liệu xác nhận)*

Điều 3. Xử lý tài sản của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm *(áp dụng cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm hoàn thành và không hoàn thành)*

Ghi kết quả xử lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm và kết quả xử lý tài sản được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Đề tài/Đề án/Dự án/Dự án sản xuất thử nghiệm *(Kèm theo Quyết định xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.)*

Biên bản thanh lý Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký; được lập thành.... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ.... bản.

BÊN A (Bên đặt hàng) (Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)	**BÊN B** (Bên đặt hàng) (Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu - nếu có)

B43-QĐCNKQ
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ số 29/2013/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 66/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Xét đề nghị của Hội đồng khoa học công nghệ tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ được thành lập kèm theo Quyết định số..../QĐ-BTNMT ngày..... tháng..... năm 20... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ "....., mã số.....

Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Tổ chức chủ trì:

Xếp loại:

Điều 2. Nhiệm vụ được thực hiện việc quyết toán và thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của nhiệm vụ được thực hiện theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch - Tài chính; Chánh Văn phòng Bộ; Chủ nhiệm nhiệm vụ, Thủ trưởng các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG

B44-ĐXDMTX
66/2017/TT-BTNMT

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ XUẤT DANH MỤC
NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG NĂM 20....

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện (từ... đến)	Dự kiến nội dung chính, kết quả/sản phẩm	Dự kiến kinh phí thực hiện *(triệu đồng)*
1	*Dựa trên các chức năng và nhiệm vụ được giao của đơn vị* *Ví dụ như:* *(i) Nghiên cứu cơ bản khoa học và phát triển công nghệ theo các hướng chuyên môn của đơn vị,* *(ii) Ứng dụng và triển khai công nghệ trong lĩnh vực...* *(iii) Đào tạo nhân lực trình độ cao,* *(iv) Tư vấn thẩm định,* *(v) Hợp tác quốc tế.*	T1-T12	Kết quả của nhiệm vụ là "tiềm lực, trình độ cán bộ khoa học công nghệ của đơn vị được duy trì và phát triển", thể hiện thông qua việc triển khai thực hiện các hoạt động theo chức năng của đơn vị và dự kiến đạt được các kết quả tổng hợp....	*Dự tính trên cơ sở Quỹ lương và định mức chi thường xuyên*
2				
3				
....				
n				
Tổng cộng				**....**

....., ngày..... tháng..... năm 20...
Thủ trưởng đơn vị
(ký, đóng dấu)

B45-THDMTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH DANH MỤC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỔNG HỢP DANH MỤC CÁC ĐỀ XUẤT NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG NĂM 20...

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện (từ... đến)	Dự kiến nội dung chính, kết quả	Dự kiến sản phẩm	Kinh phí thực hiện *(triệu đồng)*	Thông tin khác
1						
2						
...						
n						
Tổng cộng						

B46-NXDMTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH DANH MỤC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT DANH MỤC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

Tên đơn vị đề xuất:

Họ và tên thành viên Hội đồng:.....

Chức danh trong Hội đồng:.....

NHẬN XÉT

Số TT	*Tên nhiệm vụ*	*Nhận xét*
1		
2		
.....		
n		

....., ngày tháng năm 20.....
Thành viên Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ tên)

B47-ĐGDMTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH DANH MỤC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ DANH MỤC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

Tên đơn vị đề xuất:

Họ và tên thành viên Hội đồng:.....

Chức danh trong Hội đồng:.....

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

TT	Tên nhiệm vụ	Đề nghị thực hiện	Đề nghị thực hiện có bổ sung	Đề nghị không thực hiện
1				
2				
3				
4				
5				

....., ngày tháng năm 20.....
(Thành viên Hội đồng ký, ghi rõ họ tên)

B48-BBKPTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN XÁC ĐỊNH DANH MỤC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KIỂM PHIẾU XÁC ĐỊNH DANH MỤC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

A. Thông tin chung
1. Tên nhiệm vụ:
1.1
....
1.n
2. Tổ chức chủ trì:
3. Kết quả kiểm phiếu

1. Số phiếu phát ra: ☐	**2. Số phiếu thu về:** ☐
3. Số phiếu hợp lệ: ☐	**4. Số phiếu không hợp lệ:** ☐

STT	Tên nhiệm vụ		Nhất trí triển khai	Đề nghị triển khai với sửa chữa	Đề nghị không triển khai
1	Nhiệm vụ số 1	Ủy viên 1			
		Ủy viên 2			
		.....			
		Ủy viên n			
		Tổng số			
2	Nhiệm vụ số 2	Ủy viên 1			
		Ủy viên 2			
		.....			
		Ủy viên n			
		Tổng số			
n	Nhiệm vụ số n	Ủy viên 1			
		Ủy viên 2			
		.....			
		Ủy viên n			
		Tổng số			

Biên bản được lập xong lúc..... giờ... phút, ngày..... tháng..... năm 20.... và đã được Tổ kiểm phiếu nhất trí thông qua./.

Các thành viên ban kiểm phiếu

Thành viên 1
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên 2
(Họ, tên và chữ ký)

Trưởng ban kiểm phiếu
(Họ, tên và chữ ký)

B49-BBDMTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH DANH MỤC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH DANH MỤC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

1. Tên đơn vị đề xuất:

2. Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định danh mục nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 20 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Hội đồng họp vào hồi: giờ phút, ngày tháng năm 20...

Địa điểm:

4. Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên:...../....

Vắng mặt:.... người

-

-

Thư ký hành chính: , chuyên viên Vụ Khoa học và Công nghệ

5. Đại biểu tham dự:

STT	Họ tên	Đơn vị công tác
1		
2		
3		
4		
5		

6. Các diễn biến tại hội đồng

6.1. Thư ký công bố Quyết định của Bộ trưởng về việc thành lập Hội đồng xác định nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng; báo cáo Hội đồng về các thành viên Hội đồng vắng mặt, đại biểu tham dự; mời Chủ tịch Hội đồng điều hành;

6.2. Chủ tịch Hội đồng điều hành cuộc họp theo trình tự và nội dung:

- Đơn vị chủ trì báo cáo về sự phù hợp với chức năng nhiệm vụ và sự cần thiết của danh mục nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng đã đề xuất

- Báo cáo về các nhiệm vụ của tổ chức khoa học được giao theo Quyết định của Bộ trưởng về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức;

- Ý kiến của các thành viên Hội đồng về Danh mục các nhiệm vụ theo chức năng của tổ chức khoa học công nghệ (kèm theo biên bản này);

- Đại diện Lãnh đạo tổ chức khoa học công nghệ làm rõ thêm về những vấn đề Hội đồng chưa thống nhất;

- Hội đồng bỏ phiếu xác định các nhiệm vụ theo chức năng của tổ chức khoa học công nghệ;

- Thư ký tổng hợp báo cáo kết quả;

- Chủ tịch Hội đồng kết luận và tuyên bố kết thúc.

7. Kết quả đánh giá của Hội đồng:

Số phiếu phát ra:

Số phiếu thu về:

Tổng hợp kết quả: Hội đồng nhất trí cho triển khai các nhiệm vụ như sau

STT	Tên nhiệm vụ	Số lượng đề nghị thực hiện/tổng số thành viên	Đồng ý triển khai
1			
2			
n			

Hội đồng thảo luận và đề xuất đặt hàng các nhiệm vụ sau:

STT	Tên nhiệm vụ	Số lượng đề nghị thực hiện/tổng số thành viên	Đồng ý triển khai
1			
2			
m			

8. Kết luận của Chủ tịch Hội đồng:

a. Đề nghị thực hiện:...../..... nhiệm vụ do đơn vị đề xuất và..... nhiệm vụ do Hội đồng đề xuất đặt hàng.

b. Các kết luận cụ thể:

- ...../..... nhiệm vụ do đơn vị đề xuất nội dung, kết quả chưa rõ ràng, chưa bám sát chức năng nhiệm vụ của đơn vị

- Hội đồng đề xuất đặt hàng..... nhiệm vụ

- Đơn vị chủ trì tiếp thu ý kiến của Hội đồng để xây dựng thuyết minh nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

9. Kiến nghị của Hội đồng:

Đề nghị Bộ cho phép triển khai..... nhiệm vụ, gồm:

1)

2)

n)

Hội đồng kết thúc họp vào lúc..... giờ..... ngày tháng năm 20....

THƯ KÝ KHOA HỌC	**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*

Ý KIẾN NHẬN XÉT CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

Thư ký khoa học

(Ký, ghi rõ họ tên)

B50-QĐDMTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 20....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt danh mục nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ năm.....

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 66/2017/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BKHCN ngày 12 tháng 01 năm 2017 Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 90/2017/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh mục nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng do Viện..... chủ trì thực hiện năm..... (chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Viện trưởng Viện..... có trách nhiệm lập thuyết minh, dự toán kinh phí chi tiết cho từng nhiệm vụ, trình Bộ phê duyệt thực hiện.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức cán bộ; Viện trưởng Viện..... và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG

Phụ lục

DANH MỤC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG NĂM.....

Đơn vị: Viện.....

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 20....
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

TT	Tên nhiệm vụ	Thời gian thực hiện	Dự kiến kết quả/sản phẩm	Ghi chú
1				
2				
....				
n				

B51-TMNVTX
66/2017/TT-BTNMT

THUYẾT MINH NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHIỆM VỤ

1	**Tên nhiệm vụ:**			
2	**Thời gian thực hiện:** (từ tháng... năm... đến tháng.... năm....)			
3	**Kinh phí thực hiện:** Tổng kinh phí:....., trong đó: - Từ ngân sách sự nghiệp khoa học: - Từ nguồn tự có của tổ chức: - Từ nguồn khác:			
4	**Chủ nhiệm nhiệm vụ:** Họ và tên:..... Ngày, tháng, năm sinh:.....Nam/Nữ:..... Học hàm, học vị:.....Chức danh nghề nghiệp:..... Điện thoại:.....E-mail:.....			
5	**Tổ chức chủ trì nhiệm vụ:** Tên tổ chức chủ trì nhiệm vụ: Điện thoại:..... Fax:..... Địa chỉ:.....			
6	**Các cán bộ thực hiện nhiệm vụ:** *(cả người trực tiếp và gián tiếp thực hiện nhiệm vụ)*			
	Họ và tên, học hàm học vị	**Vị trí công tác**	**Nội dung công việc tham gia**	**Thời gian làm việc cho nhiệm vụ** *(Số tháng quy đổi)*
	Những người trực tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ			
1			Chủ trì	
2			Kê khai cụ thể các nội dung công việc phải thực hiện trong nhiệm vụ đối với từng người	
3				
4				
	Những người gián tiếp tham gia thực hiện nhiệm vụ			
9		Ban Lãnh đạo	Kê khai cụ thể các nội dung công việc phải thực hiện trong nhiệm vụ đối với từng người	
10		Phòng Tài chính kế toán		
11		Phòng Tổ chức - Hành chính		

II. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

	Các nội dung, công việc chủ yếu cần được thực hiện	**Các sản phẩm, kết quả của nhiệm vụ**	**Thời gian** *(bắt đầu, kết thúc)*	**Cá nhân, tổ chức thực hiện**
1				
2				
n				

III. TỔNG HỢP NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ NGUỒN KINH PHÍ

Đơn vị tính: triệu đồng

8	**Kinh phí thực hiện nhiệm vụ theo các khoản chi**					
	Tổng số Kinh phí đề nghị ngân sách nhà nước hỗ trợ *(triệu đồng)*	**Trong đó**				
		Tiền lương	**Các khoản đóng góp theo lương***	**Nguyên, vật liệu, năng lượng**	**Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn**	**Chi khác****
A	2 (= 3+4+5+6+7)	3	4 (= 3 x 24%)	5	6	7

* Các khoản đóng góp theo lương gồm: bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn...

** Chi khác: gồm hội thảo, hội nghị, công tác phí, thuê khoán ngoài, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ, dịch vụ công, thông tin, liên lạc...

Ngày..... tháng..... năm 20...
Chủ nhiệm nhiệm vụ
(Họ tên và chữ ký)

Ngày..... tháng..... năm 20...
Tổ chức chủ trì
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu)

Ngày..... tháng..... năm 20...
Cơ quan chủ quản
(Họ tên, chữ ký và đóng dấu khi phê duyệt)

DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung chi	Tổng số Kinh phí
1	*2*	*3*
1	**Tiền lương**	
a	**Tiền lương những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ**	....
-	*Nguyễn Văn A*	...
-	*Nguyễn Văn B*	...
b	**Tiền lương những người gián tiếp thực hiện nhiệm vụ**	...
-	*Trần thị C*	....
-	*Lê Văn D*	
	...	
2	**Các khoản đóng góp theo lương**	...
3	**Nguyên, vật liệu, năng lượng**	
4	**Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn**	...
5	**Chi khác** (hội thảo, hội nghị, công tác phí, thuê khoán ngoài, văn phòng phẩm, công cụ, dụng cụ, dịch vụ công, thông tin, liên lạc,...)	...

GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI

Khoản 1. Tiền lương

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung lao động	Hệ số lương và phụ cấp	Số tháng tham gia thực hiện	Tổng số	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5 (= 3 x 4)*	*6*
1	**Tiền lương những người trực tiếp thực hiện nhiệm vụ**		...	...	
-	*Nguyễn Văn A*		...	...	
-	*Nguyễn Văn B*		...	...	
2	**Tiền lương những người gián tiếp thực hiện nhiệm vụ**		...	...	
-	*Trần thị C*		...	...	
-	*Lê Văn D*		...	...	
	Tổng cộng:		...	...	

Khoản 2. Các khoản đóng góp theo lương

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Các khoản đóng góp theo lương	Tỷ lệ đóng góp	Tiền lương	Số phải đóng góp	Ghi chú
1	*2*	*3*	*4*	*5 (= 3 x 4)*	*6*
1	**Bảo hiểm xã hội**	18%	...	...	
2	**Bảo hiểm y tế**	3%	...	...	
3	Bảo hiểm thất nghiệp	1%	...	...	
4	Phí công đoàn	2%	...	...	
	Tổng cộng:			...	

Khoản 3. Nguyên vật liệu, năng lượng

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1	Xăng dầu				
2	Điện				
3	Nước				
4	...				
Cộng:					

Khoản 4. Sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng, bảo trì, kiểm định, hiệu chuẩn

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1	Sửa chữa				
2	Duy tu				
3	Bảo dưỡng				
4	...				
Cộng:					

Khoản 5. Chi khác

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*
1	**Hội thảo, Hội nghị**				
	Chủ trì				
	Thư ký				
	Đại biểu tham dự				
	Vé máy bay, vé tàu xe				
	Thuê hội trường (kèm trang thiết bị)				
	Nước uống				
	Chi khác				
2	**Công tác phí**				
3	**Chi thuê lao động**				
4	**Văn phòng phẩm**				
5	**Công cụ, dụng cụ**				
6	**Dịch vụ công**				
7	**Chi thông tin, liên lạc**				
...	...				
Cộng:					

B52-NXTMTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN XÉT DUYỆT THUYẾT MINH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ TXTCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT
THUYẾT MINH NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG NĂM 2017

Họ và tên ủy viên Hội đồng:

Tên tổ chức chủ trì thực hiện:
Phần nhận xét (đánh giá về Sự phù hợp của các nội dung triển khai để hoàn thành nhiệm vụ; Sự phù hợp của sản phẩm dự kiến với các nội dung triển khai; Sự phù hợp của cơ cấu cán bộ trực tiếp, gián tiếp; Sự phù hợp của kinh phí thu chi)
Nhiệm vụ 1:
Nhiệm vụ 2:
Nhiệm vụ 3:
Nhiệm vụ n:
Ý kiến nhận xét tổng hợp

Kiến nghị của ủy viên Hội đồng: (đánh dấu **X**)

STT	Tên nhiệm vụ	Đề nghị triển khai	Đề nghị triển khai với sửa chữa	Đề nghị không triển khai
1	Nhiệm vụ số 1			
2	Nhiệm vụ số 2			
3	Nhiệm vụ số 3			
n	Nhiệm vụ số n			

Ngày tháng năm 20.....
(Ủy viên nhận xét ký, ghi rõ họ tên)

B53-ĐGTMTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN XÉT DUYỆT THUYẾT MINH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ TXTCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THUYẾT MINH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

Tên đơn vị chủ trì:

Họ và tên thành viên:.....

Chức danh trong Hội đồng:.....

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Số TT	Nội dung	Sự phù hợp nội dung để thực hiện nhiệm vụ		Sản phẩm dự kiến		Thời gian quy đổi		Kinh phí	
		Phù hợp	Không phù hợp	Phù hợp	Không phù hợp	Phù hợp	Không phù hợp	Phù hợp	Không phù hợp
1									
...									
n									

Tổng hợp đánh giá:

STT	Tên nhiệm vụ	Nhất trí triển khai	Đề nghị triển khai với sửa chữa	Đề nghị không triển khai
1	Nhiệm vụ số 1			
...	Nhiệm vụ số...			
n	Nhiệm vụ số n			

Kiến nghị sửa chữa:

.....

.....

.....

Hà Nội, ngày tháng năm 201
(Thành viên Hội đồng ký, ghi rõ họ tên)

B54-KPKPTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN XÉT DUYỆT THUYẾT MINH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ TXTCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ THUYẾT MINH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

A. Thông tin chung
1. Tên nhiệm vụ:
1.1
1.2
1.n
2. Đơn vị chủ trì:
3. Kết quả kiểm phiếu

1. Số phiếu phát ra: ☐	**2. Số phiếu thu về:** ☐
3. Số phiếu hợp lệ: ☐	**4. Số phiếu không hợp lệ:** ☐

STT	Tên nhiệm vụ		Nhất trí triển khai	Đề nghị triển khai với sửa chữa	Đề nghị không triển khai
1	Nhiệm vụ số 1	Ủy viên 1			
		Ủy viên 2			
		.....			
		Ủy viên n			
		Tổng số			
2	Nhiệm vụ số 2	Ủy viên 1			
		Ủy viên 2			
		.....			
		Ủy viên n			
		Tổng số			
n	Nhiệm vụ số n	Ủy viên 1			
		Ủy viên 2			
		.....			
		Ủy viên n			
		Tổng số			

Biên bản được lập xong lúc..... giờ... phút, ngày..... tháng..... năm 201... và đã được Tổ kiểm phiếu nhất trí thông qua./.

Các thành viên ban kiểm phiếu

Thành viên thứ 1	**Thành viên thứ 2**	**Trưởng ban kiểm phiếu**
(Họ, tên và chữ ký)	*(Họ, tên và chữ ký)*	*(Họ, tên và chữ ký)*

B55-BBTMTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN XÉT DUYỆT THUYẾT MINH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ TXTCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÉT DUYỆT THUYẾT MINH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng số...../QĐ-BTNMT ngày tháng.... năm 20.... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Trên cơ sở hồ sơ thuyết minh nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của Viện.....

Hội đồng Tư vấn phê duyệt Thuyết minh và dự toán kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng tiến hành thẩm định và lập biên bản thẩm định với những nội dung sau:

A. Thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

1.1

1.2

1.n

2. Đơn vị chủ trì:

3. Địa điểm và thời gian họp:

- Địa điểm

- Thời gian: giờ phút, ngày..... tháng..... năm 201/...

4. Hội đồng gồm có: thành viên (danh sách kèm theo Quyết định)

Số thành viên có mặt:

Số thành viên vắng mặt:

Thư ký hành chính: , Chuyên viên Vụ KH&CN

5. Đại biểu tham dự:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1		
2		
n		

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng căn cứ Quy định tại Điều 39 Thông tư số 66/2017/TT-BTNMT để thẩm định Thuyết minh và dự toán kinh phí;

2. Tổ chức khoa học và công nghệ báo cáo tóm tắt Thuyết minh và dự toán kinh phí đối với các nhiệm vụ được giao tại Quyết định số...../QĐ-BTNMT ngày tháng năm 20.... của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt danh mục các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của các tổ chức khoa học và công nghệ năm 20...;

3. Các thành viên Hội đồng cho ý kiến về Thuyết minh và dự toán kinh phí đối với từng nhiệm vụ về:

+ Sự phù hợp của các nội dung triển khai để hoàn thành nhiệm vụ;

+ Sự phù hợp của sản phẩm dự kiến với các nội dung triển khai;

+ Sự phù hợp của cơ cấu cán bộ trực tiếp, gián tiếp;

+ Sự phù hợp của kinh phí thu chi;

Các ý kiến của thành viên Hội đồng thẩm định:

Nhận xét chung:

Nhiệm vụ số 1:

Nhiệm vụ số 2:

Nhiệm vụ số 3:

4. Đại diện Lãnh đạo tổ chức khoa học công nghệ làm rõ thêm về những vấn đề Hội đồng chưa thống nhất;

5. Hội đồng bỏ phiếu thông qua thuyết minh và dự toán kinh phí của các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng giao cho Viện..... chủ trì.

Số phiếu phát ra:

Số phiếu thu về:

Kết quả đánh giá:

Số TT	Nội dung	Nhất trí về sự phù hợp của nội dung	Nhất trí về sự phù hợp của sản phẩm dự kiến	Thời gian quy đổi	Kinh phí
1	Nhiệm vụ số 1				
2	Nhiệm vụ số 2				
n	Nhiệm vụ số n				

C. Kết luận của Hội đồng thẩm định

- Nhất trí cho phép triển khai nhiệm vụ theo danh mục đã được phê duyệt;
- Đề nghị đơn vị chủ trì nghiên cứu các góp ý để chỉnh sửa thuyết minh

Biên bản được lập xong lúc..... giờ... phút, ngày..... tháng..... năm 201... và đã được Hội đồng nhất trí thông qua./.

Thư ký khoa học	**Chủ tịch Hội đồng**
(Ký ghi rõ họ tên)	*(Ký ghi rõ họ tên)*

CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA TỪNG THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

Thư ký khoa học
(Ký ghi rõ họ tên)

B56-QĐTMTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nội dung, dự toán kinh phí các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng cho các tổ chức khoa học và công nghệ năm 20...

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 66/2017/TT- BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 47/2017/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BKHCN ngày 12 tháng 01 năm 2017 Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 90/2017/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định việc thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Công văn số.....BKHCN-TCCB ngày.... tháng..... năm..... của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung, dự toán kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng do các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện năm 20.... (Chi tiết nội dung và dự toán kinh phí từng đơn vị tại các Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Giao Vụ trưởng Vụ Khoa học và Công nghệ phê duyệt Thuyết minh, ký Hợp đồng đối với các nhiệm vụ tại Điều 1.

Thủ trưởng đơn vị được giao nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng có trách nhiệm triển khai thực hiện các nhiệm vụ theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Khoa học và Công nghệ, Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức cán bộ; Thủ trưởng các tổ chức khoa học và công nghệ thuộc Bộ và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lưu VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG

B57-HĐNVTX
66/2017/TT-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG
Số:.....

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư số 01/2017/TT-BKHCN ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ của tổ chức khoa học và công nghệ công lập;

Căn cứ Thông tư số 66/2017/TT- BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2017 Quy định quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ..... *(Ghi các Quyết định phê duyệt, giao, triển khai thực hiện nhiệm vụ TXTCN)*

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên giao nhiệm vụ (Bên A):

- Do Ông/Bà.....
- Chức vụ:..... làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....

2. Bên nhận nhiệm vụ (Bên B): (Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện Nhiệm vụ TXTCN):

- Do Ông/Bà.....
- Chức vụ:..... làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....
- Số tài khoản:.....
- Tại:.....

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết hợp đồng thực hiện.... (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Giao thực hiện nhiệm vụ TXTCN.

Bên A giao và Bên B nhận thực hiện Nhiệm vụ TXTCN "..." theo các nội dung trong Thuyết minh Nhiệm vụ TXTCN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thời gian thực hiện nhiệm vụ TXTCN là..... tháng, từ tháng..... năm 20..... đến tháng..... năm 20.....

Điều 3. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ TXTCN

1. Nhiệm vụ TXTCN được thực hiện theo hình thức: Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng.

2. Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ TXTCN là..... (bằng chữ.....), trong đó:

- Kinh phí từ ngân sách nhà nước:..... (bằng chữ.....).

- Kinh phí từ nguồn khác:..... (bằng chữ.....).

3. Tiến độ cấp kinh phí: Tiến độ cấp kinh phí được ghi trong Thuyết minh phù hợp với quy định pháp luật.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Hợp đồng;

b) Bố trí cho Bên B số kinh phí từ ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 2 Điều 3 Hợp đồng này theo tiến độ kế hoạch, tương ứng với các nội dung nghiên cứu được phê duyệt;

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu, mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Nhiệm vụ TXTCN bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Nhiệm vụ TXTCN của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Nhiệm vụ TXTCN theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Nhiệm vụ TXTCN;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Nhiệm vụ TXTCN của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

i) Phối hợp cùng Bên B xử lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ TXTCN sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) theo quy định của pháp luật;

k) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Nhiệm vụ TXTCN đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu theo Thuyết minh;

b) Cam kết thực hiện và bàn giao sản phẩm cuối cùng đáp ứng đầy đủ các tiêu chí đã được phê duyệt;

c) Được quyền tự chủ, tự quyết định việc sử dụng phần kinh phí được giao khoán để thực hiện Nhiệm vụ TXTCN;

d) Yêu cầu Bên A cung cấp thông tin cần thiết để triển khai thực hiện Hợp đồng;

đ) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

e) Yêu cầu Bên A cấp đủ kinh phí theo đúng tiến độ quy định trong Hợp đồng khi hoàn thành đầy đủ nội dung công việc theo tiến độ cam kết. Đảm bảo huy động đủ nguồn kinh phí khác theo cam kết. Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả;

g) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu và dịch vụ của Nhiệm vụ TXTCN bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để gửi Bên A phê duyệt và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật;

h) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Nhiệm vụ TXTCN theo quy định, của pháp luật;

i) Có trách nhiệm chuyển cho Bên A các hồ sơ để Bên A tiến hành việc đánh giá, nghiệm thu theo quy định pháp luật;

k) Có trách nhiệm quản lý tài sản được mua sắm bằng ngân sách nhà nước hoặc được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ TXTCN sử dụng ngân sách nhà nước (nếu có) cho tới khi có quyết định xử lý các tài sản đó của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

l) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật Khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Nhiệm vụ TXTCN đã kết thúc và được nghiệm thu.

2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Nhiệm vụ TXTCN là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.

3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Nhiệm vụ TXTCN theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ TXTCN theo quy định pháp luật.

5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Nhiệm vụ TXTCN không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Nhiệm vụ TXTCN mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

1. Đối với Nhiệm vụ TXTCN đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Nhiệm vụ TXTCN đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức "Đạt" trở lên thì Bên A thanh toán đầy đủ kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này.

b) Nhiệm vụ TXTCN đã kết thúc, nhưng nghiệm thu mức "không đạt" thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước không quá 10% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi khách quan hoặc không thấp hơn 30% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi chủ quan.

2. Đối với Nhiệm vụ TXTCN chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Nhiệm vụ TXTCN chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Nhiệm vụ TXTCN và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Nhiệm vụ TXTCN bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Nhiệm vụ TXTCN theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng.

Bên B nộp hoàn trả ngân sách nhà nước không quá 10% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi khách quan hoặc không thấp hơn 30% tổng kinh phí ngân sách nhà nước đã sử dụng cho nhiệm vụ nếu do lỗi chủ quan.

4. Đối với Nhiệm vụ TXTCN không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Nhiệm vụ TXTCN, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Xử lý tài sản khi chấm dứt Hợp đồng

1. Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý tài sản được mua sắm hoặc được hình thành bằng ngân sách nhà nước cấp cho Nhiệm vụ TXTCN được thực hiện theo quy định pháp luật.

2. Các sản phẩm vật chất của Nhiệm vụ TXTCN sử dụng ngân sách nhà nước: nguồn thu khi các sản phẩm này được tiêu thụ trên thị trường sau khi trừ các khoản chi phí cần thiết, hợp lệ, được phân chia theo quy định pháp luật.

Điều 8. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký của các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Nhiệm vụ TXTCN.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự).

Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... Hợp đồng này được lập thành.... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ.... bản./.

BÊN A	**BÊN B**
(Bên đặt hàng)	(Bên đặt hàng)
(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)	(Chữ ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu - nếu có)

Phụ lục

NỘI DUNG VÀ DỰ TOÁN CÁC NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG NĂM 20....

Đơn vị:

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 20...)

1. Tổng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 20... sau điều chỉnh là: **triệu đồng.**

2. Nhiệm vụ:

TT	**Tên nhiệm vụ**	**Thời gian thực hiện**	**Dự kiến kết quả/ Sản phẩm**	**Kinh phí** ***(triệu đồng)***
1				
2				
n				
			Tổng cộng	

B58-BCTKTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
VIỆN.....

BÁO CÁO TỔNG KẾT
NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG
NĂM 20...

TÊN NHIỆM VỤ

Tổ chức chủ trì: Viện.....
Chủ nhiệm nhiệm vụ:

Hà Nội, năm

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI THỰC HIỆN

STT	HỌ VÀ TÊN	CHUYÊN MÔN	ĐƠN VỊ

PHẦN I
MỞ ĐẦU

I. NHU CẦU TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ

II. THÔNG TIN CHUNG CỦA NHIỆM VỤ

1. Mục tiêu

2. Nội dung

3. Kinh phí thực hiện

PHẦN II
KẾT QUẢ THỰC HIỆN

(Phần này trình bày kết quả đạt được theo các nội dung đã đăng ký)

PHẦN III
KẾT LUẬN

B59-NXKQTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ
THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20..

PHIẾU NHẬN XÉT KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

I. PHẦN THÔNG TIN CHUNG:

1. Đơn vị chủ trì:
2. Họ và tên người nhận xét:

II. PHẦN NHẬN XÉT:

1. Nhiệm vụ số 1:

- *Về số lượng sản phẩm:*
- *Về chất lượng sản phẩm:*
- *Về nội dung hoặc vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện:*
- *Đánh giá:*

... Nhiệm vụ số....:

- *Về số lượng sản phẩm:*
- *Về chất lượng sản phẩm:*
- *Về nội dung hoặc vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện:*
- *Đánh giá:*

n. Nhiệm vụ số n:

- *Về số lượng sản phẩm:*
- *Về chất lượng sản phẩm:*
- *Về nội dung hoặc vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung và hoàn thiện:*
- *Đánh giá:*

ỦY VIÊN HỘI ĐỒNG

B60-ĐGKQTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

KẾT QUẢ NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG NĂM 20....

Tổ chức chủ trì:

Họ và tên thành viên:.....

Chức danh trong Hội đồng:.....

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ

Số TT	Tên nhiệm vụ	Ý kiến nhận xét		Đánh giá		Kiến nghị
		Số lượng sản phẩm, kết quả so với yêu cầu	Chất lượng, sản phẩm kết quả so với yêu cầu	Đạt	Không đạt	
1	Nhiệm vụ 1:					
....						
n	Nhiệm vụ n:					

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Họ, tên và chữ ký)

B61-BBNTTX
66/2017/TT-BTNMT

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG

Căn cứ Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn phê duyệt thuyết minh và dự toán kinh phí và nghiệm thu nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng số /QĐ-BTNMT ngày tháng năm 201 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị nghiệm thu nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 20... của Viện.....;

Hội đồng Tư vấn nghiệm thu nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng họp nghiệm thu các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 20.... của Viện..... với những nội dung sau:

A. Thông tin chung

1. Tên nhiệm vụ:

1.1

1.2.

1.n

2. Tổ chức chủ trì:

3. Địa điểm và thời gian họp nghiệm thu:

- Địa điểm:.....
- Thời gian: giờ phút, ngày tháng năm

4. Hội đồng gồm có: thành viên (danh sách kèm theo Quyết định)

Số thành viên có mặt:

Số thành viên vắng mặt:

.....

5. Đại biểu tham dự:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác
1		
n		

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

Hội đồng làm việc theo trình tự sau:

a. Thư ký công bố quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu đại biểu và mời chủ tịch điều khiển phiên họp;

b. Chủ tịch Hội đồng thông qua Chương trình làm việc;

c. Đại diện đơn vị chủ trì báo cáo tình hình thực hiện, nội dung, kết quả các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng của đơn vị;

d. Hội đồng thảo luận và đóng góp ý kiến (chi tiết ý kiến kèm theo);

đ. Hội đồng tiến hành bỏ phiếu đánh giá (biên bản kèm theo).

C. Kết luận của Hội đồng nghiệm thu:

1) Về mức độ hoàn thành khối lượng công việc

(Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm đó hoàn thành so với Hợp đồng)

2) Về chất lượng kết quả thực hiện nhiệm vụ

3) Đánh giá chung

Sau khi nghiên cứu, xem xét đánh giá các nội dung đã thực hiện so với Hợp đồng đã ký, Hội đồng thống nhất kết luận:

Kết quả thực hiện nhiệm vụ:

☐ **Xuất sắc** ☐ **Đạt** ☐ **Không đạt**

4) Phần luận giải thêm (nếu có) của hội đồng về các nội dung đề nghị bổ sung chỉnh sửa

Biên bản được lập xong lúc giờ phút, ngày tháng năm 20.... và đã được Hội đồng nhất trí thông qua./.

Thư ký khoa học (Ký ghi rõ họ tên)	**Chủ tịch Hội đồng** (Ký ghi rõ họ tên)

CHI TIẾT Ý KIẾN CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

Thư ký khoa học
(Ký ghi rõ họ tên)

B62-BBTLTX
66/2017/TT-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 20...

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN THEO CHỨC NĂNG
Số:.....

Căn cứ Bộ luật dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 121/2014/TTLT-BTC-BKHCN ngày 25 tháng 8 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn xây dựng dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng (TXTCN) của tổ chức khoa học và công nghệ (KH&CN) công lập;

Căn cứ.....

Căn cứ Hợp đồng..... số..... ngày.....

CHÚNG TÔI GỒM:

1. Bên giao nhiệm vụ (Bên A) là: (Ghi tên cơ quan chủ quản).

- Do Ông/Bà.....
- Chức vụ:..... làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....

2. Bên nhận nhiệm vụ (Bên B) là: (Ghi tên tổ chức chủ trì thực hiện Nhiệm vụ TXTCN):

- Do Ông/Bà.....
- Chức vụ:..... làm đại diện.
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:..... Email:.....
- Số tài khoản:.....
- Tại:.....

Cùng thỏa thuận và thống nhất bàn giao kết quả và thanh lý Hợp đồng..... số..... ngày..... (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Xác nhận kết quả thực hiện Nhiệm vụ TXTCN

Đối với trường hợp Nhiệm vụ TXTCN hoàn thành

1. Bên B đã hoàn thành việc thực hiện Nhiệm vụ TXTCN "....., theo các nội dung trong Thuyết minh Nhiệm vụ TXTCN được Bên A phê duyệt và.... *(ghi các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền - nếu có).*

Thời gian thực hiện Nhiệm vụ TXTCN là... tháng, từ tháng... năm 200... đến tháng... năm 200...

2. Bên A đã tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả Nhiệm vụ TXTCN ngày.... tháng... năm 20.... *(Kèm theo Bản sao Biên bản đánh giá nghiệm thu và Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ghi nhận kết quả đánh giá nghiệm thu).*

3. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu, báo cáo nêu trong Thuyết minh Nhiệm vụ TXTCN và các Phụ lục kèm theo Hợp đồng số.... *(Kèm theo Danh mục liệt kê).*

4. Bên A giao cho bên B lưu giữ các kết quả khác của nhiệm vụ (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,....) *(Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết).*

Đối với trường hợp Nhiệm vụ TXTCN không hoàn thành:

1. Bên B đã tổ chức việc thực hiện Nhiệm vụ TXTCN "....., theo các nội dung trong Thuyết minh Nhiệm vụ TXTCN được Bên A phê duyệt và.... *(ghi các văn bản điều chỉnh khác của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền - nếu có).*

Thời gian thực hiện Nhiệm vụ TXTCN là... tháng, từ tháng... năm 200... đến tháng... năm 200...

2. Nhiệm vụ TXTCN "....." được xác nhận là không hoàn thành *(Kèm theo Quyết định đình chỉ (hoặc dừng) thực hiện Nhiệm vụ TXTCN hoặc Biên bản đánh giá nghiệm thu Nhiệm vụ TXTCN ở mức không đạt và Biên bản xác nhận khối lượng nội dung Bên B đã thực hiện).*

3. Bên B đã chuyển cho Bên A các tài liệu và các kết quả khác của Nhiệm vụ TXTCN (như số liệu điều tra, khảo sát, mẫu sản phẩm,....) phù hợp với khối lượng công việc đã được xác minh là hoàn thành - nếu có *(Kèm theo Danh mục liệt kê chi tiết).*

Điều 2. Xử lý tài chính của Nhiệm vụ TXTCN

Đối với Nhiệm vụ TXTCN hoàn thành:

1. Kinh phí đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Nhiệm vụ TXTCN là:..... triệu đồng;

2. Kinh phí Bên B đã sử dụng đề nghị Bên A quyết toán là:..... triệu đồng.

Đối với trường hợp Nhiệm vụ TXTCN không hoàn thành:

1. Kinh phí Bên A đã cấp từ ngân sách nhà nước để thực hiện Nhiệm vụ TXTCN là:.... triệu đồng;

2. Kinh phí bên B đã sử dụng đề nghị quyết toán là:..... triệu đồng;

3. Kinh phí được bên A chấp nhận quyết toán là:..... triệu đồng

(Kèm theo Biên bản xác nhận nội dung đã được thực hiện và chấp nhận quyết toán kinh phí của cấp có thẩm quyền);

4. Số kinh phí bên B phải hoàn trả ngân sách nhà nước là:..... triệu đồng *(Ghi Quyết định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền xác định số kinh phí Bên B phải hoàn trả)*

Đến nay Bên B đã hoàn trả xong số kinh phí nêu trên cho ngân sách nhà nước *(Kèm theo tài liệu xác nhận)*

Điều 3. Xử lý tài sản của Nhiệm vụ TXTCN *(áp dụng cho Nhiệm vụ TXTCN hoàn thành và không hoàn thành)*

Ghi kết quả xử lý tài sản được mua sắm bằng kinh phí ngân sách nhà nước cấp cho Nhiệm vụ TXTCN và kết quả xử lý tài sản được tạo ra từ kết quả nghiên cứu của Nhiệm vụ TXTCN *(Kèm theo Quyết định xử lý của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.)*

Biên bản thanh lý Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký; được lập thành bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ bản.

BÊN A (Bên đặt hàng) (Ký, ghi rõ họ và tên và đóng dấu)	**BÊN B** (Bên đặt hàng) (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng